

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng và thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, hành chính tư pháp, bồi trợ tư pháp, bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án và các công tác tư pháp khác trong phạm vi cả nước; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm đã được phê duyệt và các dự án, đề án khác theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; việc ký kết, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập và biện pháp bảo đảm thực hiện điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Trình Chính phủ chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm và các dự án quan trọng quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

3. Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

5. Về công tác xây dựng pháp luật:

a) Trình Chính phủ dự thảo chiến lược xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật;

b) Lập đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; dự kiến phân công cơ quan chủ trì, phối hợp soạn thảo để trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ quyết định; kiểm tra, đôn đốc việc soạn thảo các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình;

c) Thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo điều ước quốc tế theo quy định của pháp luật;

d) Có ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan, tổ chức khác chủ trì soạn thảo;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc đề xuất, thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) về công tác soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

6. Về theo dõi thi hành pháp luật:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước và trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý liên ngành, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành;

c) Theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Có ý kiến về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật; kiến nghị xử lý, xử lý theo thẩm quyền hoặc xử lý theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với các văn bản trái pháp luật;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8. Về pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện pháp điển của các cơ quan thực hiện pháp điển;

b) Thẩm định các đề mục trong Bộ pháp điển; cập nhật, loại bỏ các quy phạm pháp luật, đề mục mới trong Bộ pháp điển theo quy định của pháp luật; trình Chính phủ quyết định thông qua kết quả pháp điển các chủ đề của Bộ pháp điển và bổ sung các chủ đề mới vào Bộ pháp điển;

c) Xây dựng Trang thông tin điện tử pháp điển; duy trì thường xuyên Bộ pháp điển trên Trang thông tin điện tử pháp điển; quản lý, ban hành quy định về huy động nguồn lực xã hội trong việc xuất bản Bộ pháp điển bằng văn bản.

9. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hoá, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.

10. Về kiểm soát thủ tục hành chính:

a) Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc rà soát và thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đánh giá và xử lý kết quả rà soát về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật; nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các sáng kiến cải cách thủ tục hành chính và các quy định có liên quan;

c) Tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của các cơ quan trong hệ thống hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì hoạt động của cổng thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, kết quả giải quyết về thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

đ) Kiểm soát thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện nhiệm vụ thường trực Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính;

g) Định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

11. Về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Theo dõi chung và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Thống kê, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

12. Về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở Trung ương;

c) Công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật theo quy định pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở;

đ) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và trường học.

13. Về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính:

- a) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự; quyết định thành lập, giải thể các cơ quan thi hành án dân sự;
- b) Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Chấp hành viên, Thẩm tra viên và công chức khác làm công tác thi hành án dân sự;
- c) Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý thi hành án hành chính;
- d) Quyết định kế hoạch phân bổ kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự; bảo đảm biên chế, cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác quản lý nhà nước về thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật;
- đ) Ban hành và thực hiện chế độ thống kê về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;
- e) Báo cáo về công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật.

14. Về hành chính tư pháp (hộ tịch, quốc tịch, chứng thực):

- a) Hướng dẫn nghiệp vụ về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; ban hành và quản lý thống nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
- b) Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
- c) Giải quyết thủ tục về xin thôi quốc tịch, xin nhập quốc tịch hoặc xin trở lại quốc tịch Việt Nam để trình Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật;
- d) Giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật;
- đ) Xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

15. Về lý lịch tư pháp:

- a) Hướng dẫn nghiệp vụ về lý lịch tư pháp; ban hành và quản lý thống nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về lý lịch tư pháp;
- b) Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về lý lịch tư pháp;
- c) Quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia;
- d) Lập Lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định.

16. Về nuôi con nuôi:

- a) Hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký nuôi con nuôi; ban hành, quản lý thống nhất các loại biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về nuôi con nuôi;
- b) Giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- c) Cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài và quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- d) Thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi quốc tế của Việt Nam.

17. Về trợ giúp pháp lý:

- a) Hướng dẫn, kiểm tra tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý; quy định các biểu mẫu, giấy tờ về trợ giúp pháp lý;
- b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động trợ giúp pháp lý;
- c) Xây dựng và quản lý hoạt động của Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam.

18. Về bồi thường nhà nước:

- a) Hướng dẫn nghiệp vụ và giải đáp vướng mắc về thực hiện pháp luật bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, thi hành án;
- b) Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại có yêu cầu hoặc không có sự thống nhất về trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, thi hành án giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Theo dõi, đôn đốc việc chi trả tiền bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật;
- d) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật.

19. Về đăng ký giao dịch bảo đảm:

- a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án; ban hành, quản lý và hướng dẫn việc sử dụng các mẫu đơn, giấy tờ, sổ đăng ký về giao dịch bảo đảm, thông báo kê biên tài sản thi hành án;

b) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, tài sản cho thuê tài chính, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án và các giao dịch, tài sản khác theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng và quản lý Hệ thống dữ liệu quốc gia về giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

20. Về hỗ trợ tư pháp (luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản và trọng tài thương mại):

a) Hướng dẫn, kiểm tra tổ chức và hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên; cấp, thu hồi thẻ công chứng viên; cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá, chứng chỉ hành nghề luật sư, Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam đối với luật sư nước ngoài; tập hợp, lập và đăng tải danh sách chung về người giám định tư pháp và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;

c) Cấp, thu hồi Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài, Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài, Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; phê chuẩn Điều lệ của Trung tâm trọng tài; có ý kiến về việc thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương;

d) Quản lý tổ chức và hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại trong phạm vi cả nước;

đ) Cấp Giấy phép thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư, cơ sở đào tạo nghề công chứng; quy định chương trình khung đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng, nghề đấu giá;

e) Ban hành và hướng dẫn sử dụng thống nhất mẫu văn bản, giấy tờ về luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại.

21. Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra công tác pháp chế Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

22. Về hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp:

a) Tổng hợp, điều phối, thẩm định về nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật; phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác về pháp luật với nước ngoài;

b) Tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và các chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ sau khi được Chính phủ phê duyệt;

c) Quản lý thống nhất công tác tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù giữa Việt Nam và nước ngoài; làm đầu mối thực hiện các hoạt động ủy thác tư pháp quốc tế về dân sự theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật;

đ) Là Cơ quan quốc gia trong quan hệ với các thành viên và Cơ quan thường trực của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế; làm đại diện pháp lý cho Chính phủ trong các tranh chấp quốc tế theo quy định của pháp luật hoặc theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

e) Thực hiện việc cấp ý kiến pháp lý cho các hiệp định, thỏa thuận vay vốn nước ngoài, chương trình, dự án, kế hoạch xử lý nợ nước ngoài, các văn kiện pháp lý quốc tế khác theo quy định pháp luật hoặc được Thủ tướng Chính phủ giao.

23. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học pháp lý trong việc cải cách pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

24. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

25. Về quản lý nhà nước các tổ chức thực hiện dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ:

a) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách về cung ứng các dịch vụ công; về xã hội hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp dịch vụ công;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện và hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

26. Quản lý các hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ phê duyệt Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

27. Về thanh tra, kiểm tra:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

c) Thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

28. Về cải cách hành chính:

a) Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế; thực hiện nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính theo quy định;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của Bộ theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

29. Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của công chức theo ngạch, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và cơ cấu viên chức thuộc ngành, lĩnh vực để cơ quan có thẩm quyền ban hành; ban hành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và cơ cấu viên chức thuộc ngành, lĩnh vực và tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; bổ nhiệm, miễn nhiệm Thẩm tra viên, Chấp hành viên và các chức danh tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ.

30. Tổ chức đào tạo các cấp học về luật; đào tạo các chức danh tư pháp theo quy định của pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

31. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

32. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

33. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật.
2. Vụ Pháp luật hình sự - hành chính.
3. Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế.
4. Vụ Pháp luật quốc tế.
5. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật.
6. Vụ Tổ chức cán bộ.
7. Vụ Hợp tác quốc tế.
8. Vụ Kế hoạch - Tài chính.
9. Vụ Thi đua - Khen thưởng.
10. Thanh tra.
11. Văn phòng.
12. Tổng cục Thi hành án dân sự.
13. Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.
14. Cục Kiểm soát thủ tục hành chính.
15. Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
16. Cục Con nuôi.
17. Cục Trợ giúp pháp lý.
18. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.
19. Cục Bồi thường nhà nước.
20. Cục Bảo trợ tư pháp.
21. Cục Công nghệ thông tin.

22. Cục Công tác phía Nam.
23. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.
24. Viện Khoa học pháp lý.
25. Học viện Tư pháp.
26. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.
27. Báo Pháp luật Việt Nam.

Các tổ chức quy định từ Khoản 1 đến Khoản 22 Điều này là các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ Khoản 23 đến Khoản 27 Điều này là các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ.

Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Pháp luật quốc tế được tổ chức 04 Phòng; Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính được tổ chức 05 Phòng.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự; ban hành danh sách các tổ chức sự nghiệp công lập khác còn lại trực thuộc Bộ.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc Bộ, trừ đơn vị quy định tại Khoản 12 Điều này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổng cục Thi hành án dân sự tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành cho đến khi có quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị này.
2. Cục Kiểm soát thủ tục hành chính tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành cho đến khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị này.

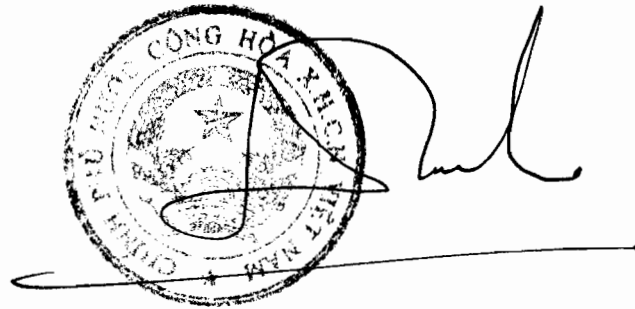
Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. / -

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).N 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is a circular emblem with a five-pointed star in the center. The text around the star reads "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" and "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc". To the right of the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Tấn Dũng